

BIÊN BẢN
NIÊM YẾT CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU CHI
NGÂN SÁCH NĂM 2022

Hôm nay, vào hồi 8h00 ngày 01/02/2023.

Địa điểm: Tại văn phòng UBND xã Cẩm Điền.

Chúng tôi gồm:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông: Lê Huy Đoàn | - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã |
| 2. Bà: Nguyễn Thị Như | - Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 3. Ông: Lê Duyên Nguyễn | - Chức vụ: Công chức Văn phòng UBND xã |
- Đã tiến hành việc niêm yết công khai tình hình thực hiện ngân sách năm 2022

với sự chứng kiến của các ông (bà) sau:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông: Lê Văn Giang | - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã |
| 2. Ông: Lương Đức Khoát | - Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 3. Bà: Lê Thị Lan | - Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐND |

Thời gian niêm yết : Từ ngày 01/02/2023 đến ngày 15/02/2023

Yêu cầu: Các đồng chí cán bộ, công chức, cán bộ bán chuyên trách xã xem bảng niêm yết các nội dung công khai, nếu có điều gì thắc mắc sẽ phản ánh về Ban thanh tra nhân dân hoặc bộ phận Tài chính - Kế toán UBND xã Cẩm Điền.

Biên bản kết thúc vào hồi 9 giờ 15 phút cùng ngày và được các thành viên nhất trí ký tên dưới đây./.

KẾ TOÁN

THƯ KÝ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Như

Lê Duyên Nguyễn

Lê Huy Đoàn

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Lê Văn Giang: ... 
2. Lương Đức Khoát: ... 
3. Lê Thị Lan: ... 

BIÊN BẢN
KẾT THÚC CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU CHI
NGÂN SÁCH NĂM 2022

Hôm nay, vào hồi 8h00 ngày 16/02/2023.

Địa điểm: Tại văn phòng UBND xã Cẩm Điền.

Chúng tôi gồm:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông: Lê Huy Đoàn | - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã |
| 2. Bà: Nguyễn Thị Như | - Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 3. Ông: Lê Duyên Nguyễn | - Chức vụ: Công chức Văn phòng UBND xã |

Đã tiến hành việc niêm yết công khai tình hình thu chi ngân sách năm 2022 với sự chứng kiến của các ông (bà):

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông: Lê Văn Giang | - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã |
| 2. Ông: Lương Đức Khoát | - Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 3. Bà: Lê Thị Lan | - Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐND |

Thời gian niêm yết : Từ ngày 01 / 02 / 2023 đến ngày 15 / 02 / 2023

Trong thời gian niêm yết 100% ý kiến của toàn thể cán bộ, công chức, cán bộ bán chuyên trách trong xã nhất trí với bảng công khai trên, không có đồng chí nào có ý kiến khác.

Vậy, UBND xã lập biên bản kết thúc việc công khai để trình báo cáo tình hình thu chi ngân sách năm 2023 trình trước HĐND xã. Biên bản kết thúc vào hồi 9 giờ 15 phút cùng ngày và được các thành viên nhất trí ký tên dưới đây./.

KẾ TOÁN

THƯ KÝ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Như

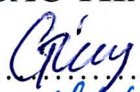


Lê Duyên Nguyễn



Lê Huy Đoàn

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Lê Văn Giang: |  |
| 2. Lương Đức Khoát: |  |
| 3. Lê Thị Lan: |  |

Số: 23/QĐ-UBND

Cẩm Điền, ngày 20 tháng 2 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện thu chi ngân sách năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM ĐIỀN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 hướng dẫn công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai công khai tình hình thực hiện thu chi ngân sách năm 2022 của UBND xã Cẩm Điền (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, công chức Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- TT. Đảng ủy- HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Niêm yết công khai;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: KT, VP./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Lê Huy Đoàn



UBND Xã: Cẩm Điền

Biểu số 113/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	4.961.240.000	9.644.076.641	194,39
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	135.000.000	176.660.000	130,86
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.391.000.000	514.050.929	36,96
3	Thu bổ sung	3.435.240.000	4.347.369.000	126,55
	- Bổ sung cân đối ngân sách	1.915.413.000	1.915.413.000	100,00
	- Bổ sung có mục tiêu	1.519.827.000	2.431.956.000	160,02
4	Thu chuyển nguồn		4.605.996.712	
II	TỔNG SỐ CHI	4.884.240.000	9.698.991.141	198,58
1	Chi đầu tư phát triển	600.000.000	79.521.750	13,25
2	Chi thường xuyên	4.284.240.000	9.619.469.391	224,53
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



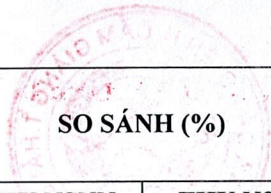
UBND Xã: Cẩm Điền

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		4.961.240.000		9.698.991.141		195,50
I	Các khoản thu 100%		135.000.000		176.660.000		130,86
1	Phí, lệ phí		25.000.000		25.060.000		100,24
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		25.000.000		142.700.000		570,80
	Thu từ quỹ đất công ích				105.357.500		
	Thu từ hoa lợi công sản trên đất công						
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất				37.342.500		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		85.000.000		8.900.000		10,47
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		1.391.000.000		514.050.929		36,96
1	Các khoản thu phân chia		327.000.000		422.145.773		129,10
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		35.000.000		65.508.515		187,17
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		12.000.000		14.100.000		117,50
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		280.000.000		342.537.258		122,33
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		1.064.000.000		91.905.156		8,64
2.1	Thu tiền sử dụng đất		600.000.000				
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		304.000.000		61.999.384		20,39
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		160.000.000		29.905.772		18,69
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				4.605.996.712		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				54.914.500		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.435.240.000		4.347.369.000		126,55
1	Thu bổ sung cân đối		1.915.413.000		1.915.413.000		100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu		1.519.827.000		2.431.956.000		160,02



UBND Xã: Cẩm Điền

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	4.884.240.000	600.000.000	4.284.240.000	9.698.991.141	79.521.750	9.619.469.391	198,58	13,25	224,53
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	15.000.000		15.000.000	14.644.200		14.644.200	97,63		97,63
5	Chi phát thanh, truyền thanh	19.635.000		19.635.000	12.844.000		12.844.000	65,41		65,41
6	Chi thể dục, thể thao	28.758.000		28.758.000	28.758.000		28.758.000	100,00		100,00
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế				79.521.750	79.521.750				
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.543.248.000	600.000.000	2.943.248.000	4.447.650.835		4.447.650.835	125,52		151,11
10	Chi cho công tác xã hội	321.859.000		321.859.000	913.415.100		913.415.100	283,79		283,79
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng				868.535.100		868.535.100			
	Khác				44.880.000		44.880.000			
11	Chi khác	955.740.000		955.740.000	371.310.400		371.310.400	38,85		38,85
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				3.830.846.856		3.830.846.856			



UBND Xã: Cẩm Điền

Biểu số 116/CK TC - NSNN

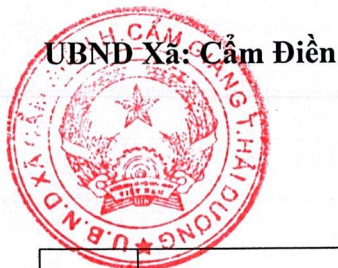
CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	9.698.991.141	Tổng số chi	9.698.991.141
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	176.660.000	I. Chi đầu tư phát triển	79.521.750
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	514.050.929	II. Chi thường xuyên	5.788.622.535
III. Thu bổ sung	4.347.369.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	3.830.846.856
- Bổ sung cân đối	1.915.413.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	2.431.956.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	54.914.500		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	4.605.996.712		
Kết dư ngân sách			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



Biểu số 117/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		4.961.240.000		9.698.991.141		195,50
I	Các khoản thu 100%		135.000.000		176.660.000		130,86
1	Phí, lệ phí		25.000.000		25.060.000		100,24
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		25.000.000		142.700.000		570,80
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		85.000.000		8.900.000		10,47
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		1.391.000.000		514.050.929		36,96
1	Các khoản thu phân chia		327.000.000		422.145.773		129,10
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		35.000.000		65.508.515		187,17
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		12.000.000		14.100.000		117,50
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		280.000.000		342.537.258		122,33
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		1.064.000.000		91.905.156		8,64
2.1	Thu tiền sử dụng đất		600.000.000				
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		304.000.000		61.999.384		20,39
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		160.000.000		29.905.772		18,69
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				4.605.996.712		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				54.914.500		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.435.240.000		4.347.369.000		126,55
1	Thu bổ sung cân đối		1.915.413.000		1.915.413.000		100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu		1.519.827.000		2.431.956.000		160,02



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	4.884.240.000	600.000.000	4.284.240.000	9.698.991.141	79.521.750	9.619.469.391	198,58	13,25	224,53
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	15.000.000		15.000.000	14.644.200		14.644.200	97,63		97,63
5	Chi phát thanh, truyền thanh	19.635.000		19.635.000	12.844.000		12.844.000	65,41		65,41
6	Chi thể dục, thể thao	28.758.000		28.758.000	28.758.000		28.758.000	100,00		100,00
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế				79.521.750	79.521.750				
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.543.248.000	600.000.000	2.943.248.000	4.447.650.835		4.447.650.835	125,52		151,11
10	Chi cho công tác xã hội	321.859.000		321.859.000	913.415.100		913.415.100	283,79		283,79
11	Chi khác	955.740.000		955.740.000	371.310.400		371.310.400	38,85		38,85
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				3.830.846.856		3.830.846.856			

**THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC**

Năm 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	327.022.000	327.022.000		21.741.831	21.741.831	
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	297.022.000	297.022.000				
- Quỹ an ninh quốc phòng	297.022.000	297.022.000				
2. Sự nghiệp kinh tế	15.000.000	15.000.000				
- Bến bãi	15.000.000	15.000.000				
3. Sự nghiệp văn xã	15.000.000	15.000.000				
- Sự nghiệp thể dục thể thao	15.000.000	15.000.000				
4. Tạm ứng nội bộ				21.741.831	21.741.831	
- Hoạt động tạm ứng nội bộ				21.741.831	21.741.831	